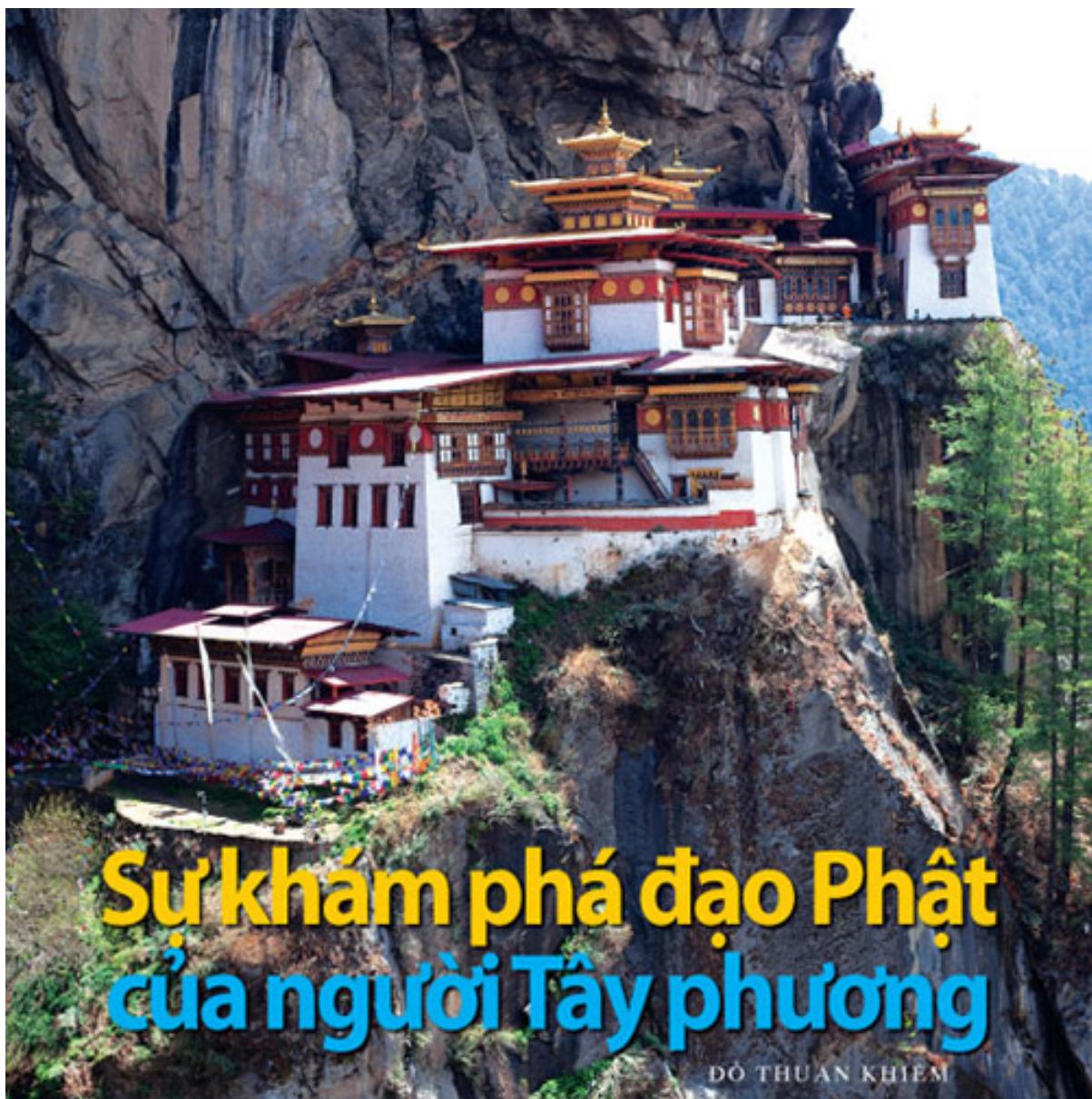


Chỗ khám phá ở đây rất chính xác. Không có sự truy尋n giáo cõa đền Phật đền ngõi Tây phuong. Và, tuy ngõi Âu châu khám phá đền Phật rất tru, nhưng đó là sự khám phá vô cùng lý thú. Thật vậy, suốt thời gian dài, ngõi Âu châu không có ý niệm về sự có mặt cõa đền Phật. Trí thõc Âu châu, từ các học giả Hy Lạp cổ thời, đến những giáo sĩ các dòng thõa sai cõn đõi, từ các quan cai tru và các nhà nghiên cứu thời Ánh sáng, khi khảo sát về tín ngõi cõa ngõi châu Á, chỉ nói đền nhõng nghi thõc mạnh mún tõn mác, sự sùng bái ngõu tõng cõa các giáo phái bí ẩn, chỉ không lõinh hõi đõi cõt hõp nhõt thõ nào có tính hõ thõng, trong giáo thuyết và trong thõc hành, đõ có thõ gõi đó là mặt tôn giáo.



I - Sự khám phá đền Phật

Khi người Anh, người Hà-lan, người Pháp lén lén đón nón-dò vào thế kỷ 17 và 18, họ đã không gắp mìn để tò mò nào của Đức Phật, mà chỉ thấy những đền thờ vắng vẻ điêu tàn. Vì đền Phật, tuy đã cõi ra đời từ lâu đời, đã phát triển và phổ biến ở đó ít nhất sáu tám thế kỷ từ 5 trước Công Ki-tô đến thế kỷ 10 TL., đã biến mất trong khoảng thời kỷ 11 hay 12 bùi nhung lý do đền nay vẫn chưa có trả lời là chính xác. Những người Âu châu đầu tiên biết đến có thể vào tháng các bạn văn nguyên gốc Bà-la-môn giáo. Những vị Phật giáo, họ phái gây dựng lối tông bộ tộc, từ những đền tích tên Mác, mạnh mún, những đền kiến trúc thuần túy đặc biệt cách rải rác; vì những bạn kinh Phật giáo đã biến mất lâu trên đất Ấn Độ; chỉ nói về các sườn núi Hi-mã, nhứt là Nepal, còn giữ vài bạn kinh Phật giáo chung Phân; những bạn khác chung còn lại trong những bạn dãy tierra Tây Tạng hay tiếng Trung Hoa.

Thêm nữa, sự tách rời của Phật đã tràn ngập Á châu, không bao giờ đồng đồng và họ không nhận. Ngay trong hai nhánh chính, Đài tháp và Tiêu tháp, cũng đã hiện hữu từ rất sớm nhưng họ cõi phái chia tách nhau trong những điều kiện khác nhau về giáo thuyết của Phật. Số đền đồng này còn kể tách riêng vui nhung tôn giáo hay đặc tin hiện hữu từ trước thời các vùng mà Phật giáo đã tuân thủ bám rễ: Tiêu tháp ở Sri Lanka, Miền Điện, Lào... không giống nhau; Đài tháp ở Trung Quốc (tại khoảng thời kỷ thứ 1), ở Nhật Bản (thế kỷ thứ 6), ở Tây Tạng (thế kỷ thứ 8), ở Mông Cổ (thế kỷ 12), v.v..., cũng vậy.

Mãi đến khoảng năm 1800, tri thức Âu châu vẫn đeo Phật vèn và đồng đồng phán xét cõi mảnh đất theo văn minh Hy Lạp và Thiên Chúa giáo. Tuy vậy đeo chung Đức Phật vèn cõi tùy tác giả: Buddou, Bouddou, Bodh, Budh; liên hệ giao nhung 'Bút' đó vẫn Sammonacodom (Thái Lan), vẫn Xã-Ca (Nhật Bản) hay vẫn Fô (Trung Quốc) cũng chung đặc điểm thay. Khúc quanh trung đồng i trong lịch sử nghệ thuật Tây phương khám phá đeo Phật đồng đồng đánh dấu bao giờ ra đời chung tách buddhaisme, buddhism, buddhismus (= 'giáo thuyết chung Bồ tát'), sau đeo thành 'buddhisme – buddhism – buddhismus' (= 'giáo thuyết giác ngộ') vào thời điểm 1820.

Sự vắng mìn của tách vắng tách riêng vẫn sờ vắng mìn của đeo i tách riêng; vì chung ai phái đeo tách ra mìn tách vắng mìn cho mìn đeo i tách riêng không đồng đồng biết. Trước khi nhung đeo mìn tên gọi, 'đeo Phật' chung hiện hữu; và sờ khai sinh ra tên gọi đeo sờ thành hình mìn đeo i tách riêng chung tri thức. Thời viết, phái đeo quanh thời i điểm chung năm 1820, mìn có các nõi lõi kể tách trí thức, nhung xác định thời nào là 'đeo chung Phật', xuất phát từ khai năng ngôn ngữ chung các nhà nghiên cứu Đông phong hõi: dù đã có mìn sờ nghệ thuật Âu châu đồng đồng chung Phân từ thời điểm 1780, nhung các bạn văn Phật giáo bao giờ chung Phân chung đồng đồng khám phá ở Nepal, bao giờ B.H. Hodgson, vào thời điểm 1820; cùng thời điểm này, chung có E. Burnouf và C. Lassen đồng đồng chung Pali, và nhung bạn kinh Phật giáo tiếng Trung Quốc chung mìn đồng đồng nghiên cứu bao giờ Abel-Rémusat; và sau đó ít lâu, chung Tây Tạng đồng đồng bao giờ đeo sờ biết đeo sờ mìn mìn ngõi gõc Hungary là Alexandre Csoma de Koros.

Một số lý do kinh tế pô u tiên đỗ c đỗ a ra và đᾶ chô u nhô u bàn cãi. Nhông, rô t nhanh sau đó, trí thô c Âu châ u đᾶ nhô n biô t đỗ c sô hiô n hô u cô a môt giô o thuyô t đỗ c biô t, nô m giô a tôn giô o và triết hô c, có môt tiê u đô và môt lô ch sô riê ng. Đô i tô o ng cô a tri thô c đᾶ có môt, và tên gô i cho 'đô o cô a Phô t' đỗ c đô t ra và phô biô n. Hô u hô t các bô n kinh nô n tô ng cô a Phô t giô o đᾶ đỗ c dô ch sang các tiê ng Âu châ u trong hô u bán thô kô 19. Và, sau môt thô i gian khâ dài bô hiô u lô m, Phô t giô o đᾶ đỗ c nhô ng đô u óc khoa hô c sâng giâ nhô t thô giô i đânh giâ lô i. Đô n khoô ng thô p niê n 1950, đô o Phô t đᾶ đỗ c nghiê n cô u rô ng raii tô i nhô u hô c viô n uy tín nhô t lô Tây Âu và Bô c Mô . Nhô u công trình nghiê n cô u giâ trô vô đô o Phô t đỗ c phô biô n đô i chûng, lôi cuô n sô ngô i đô n vô i đô o Phô t tô i các xã hô i kô nghô tiê n ngày càng đông.

SƠ KHÁM PHÁ ĐỘ O PHẬT GIÁO TÂY PHƯƠNG còn là công trình so sânh, phân loô i nhô ng chô ng liô u vô đô o Phô t tô khô p nô i gom vô ; rô i tô sô gô n lô c đô tách rô i nhô ng nghi thô c hành lô vô n là nhô ng chô t liô u có tính văn hóa đô a phô o ng đᾶ đỗ c gán ghép vào tô o nê n nhô ng hình thô c Phô t giô o bô ngoái cô a tô ng dân tô c, trú giô Âu châ u đᾶ thiô t lô p lô i gô n nhô trô n vô n các giô o thuyô t, nhô ng phô o ng pháp, cùng quá trình phát triê n cô a đô o Phô t. Môt sô phô o ng pháp tu tô p đỗ c sô dô ng trong quá khô đỗ c soát xét lô i, cùng vô i nhô u kiô n giô i mô i, theo kiô u tô duy quen thuô c cô a tinh thô n khoa hô c hiô n đô i; nhô ng hô u hô t đô u nghiê ng nhô u vô phô n triết lý, trú thô c. Và nhô ng đô c tính thô gian và con ngô i, trong tô tô o ng cô t lô i cô a đô o Phô t, cũng đang đỗ c nghiê n cô u lô ng dô ng vào nhô ng đô nh chô nhân vân và xã hô i. Phô n tu tô p chô mô i đỗ c bô t đô u phát triê n tô khoô ng cuô i thô p niê n 1970.

Ngô n gô n, môt 'Phô t giô o Tây phô o ng' đang thành hình, dô i dô ng môt 'Phô t giô o trú thô c' – có thô gô i là 'Phô t giô o khoa hô c'; chô c chô n nó sô bô túc nhô u cho 'Phô t giô o hô o ng thiô n' (cô u phô o c, có tính luân lý, thuô c 'hiô n tô o ng giô i') và 'Phô t giô o hô o ng tuô' (nhô m đô t 'trí tuô siê u vô t, Chân lý, thuô c 'chân thô t giô i'), đᾶ phât triê n trong lô ch sô ; và chô c chô n sô kô t hô p cô ba lô i Phô t giô o này tô o thành đô c đô m cô a Phô t giô o thô i đô i: vô i 'Phô t giô o khoa hô c' là gô ch nô i giô a hai lô i Phô t giô o kia, tô n tô i viô c thành hình môt 'hô thô ng đô o lý phi thô n hô c' lô i có chô c năng đô i: cô i thiô n tính ngô i và song hành vô i khoa hô c, đô a Phô t giô o thô nhô p vô i nhân sinh toàn cô u, qua Nghị quyêt ngày 15-12-1999 cô a Đô i hô i đô ng Liên Hiô p Quô c: lô y ngày Phô t đô n sanh hàng năm làm ngày hòa bình cô a nhân loô i.

II - TÔ HY VÔ NG ĐÔ N KHIÔ P SÔ

Vào cuô i thô kô 18, nghiê n cô u vô vân minh lô n Đô và chô Phô n bô t đô u thành môt chuyên ngành, vô i đô i tô o ng và các phô o ng pháp riê ng. Đô n đô u thô kô 19, các hô c hiô u cô a ngô i Anh, Pháp và Đô c – lô Calcutta, lô Paris, lô Bonn, và lô Berlin (Đô c), bô t đô u tiô p cô n đô n vô i môt lanh vô c rô ng lô n, chô a đô c biô t đô n. Tô đó, tô ng bô c và khâ nhanh, nhô ng ngô ng cuô ng cô a thô hiô u ngô nguyên hô c, hay nhô ng mô mô ng chuô ng đô u mô i lô tô xa đô n, nhô ng chô

cho những tri thức chính xác và những chuyến du lịch thăm trung nghiêm ngặt.

Khi đọc các bản du lịch đầu tiên từ chư Phùn, Âu châu của phái lãng mạn, đọc biết là ở Đức, tin là đã tìm thấy trong Bà-la-môn giáo ánh sáng cho những lòng của họ. Những anh hùng ca, kể cả bản, thợ phủ ở Đức, cùng các tác phẩm của những «triết gia sông Havel», đó nên số chư đó là một cuộc phong靡 i. Nhiều tác giả rất khác nhau như: Schlegel, Schelling, Schopenhauer, Leroux v.v. cho rằng từ thời cổ đại Âu châu số đó có tái sinh, với các tác phẩm Phùn ngay, ta nhận ra Phục hưng trung cổ, với các tác phẩm Hy Lạp đế quốc những người theo chư nghĩa nhân bản tìm thấy ở i. Tổng một thời gian khá dài, những người tin rằng số «Phục hưng Đông phong» (chư của họ), bao gồm vang đà diệu của nó, số phái riêng lẻ và sâu sắc hơn là Phục hưng Âu châu ở thời kỷ 15 và 16. Cái quá khứ đang mở ra, thời vận, còn xa xưa họ không giác ngộ Hy Lạp. Họ biết mài quan điểm đầu tin rằng, từ chư triều vua vua gốc người Aryan nguyên thủy nhất này, có thể sáng tạo ra một thời lai mài, hoàn toàn khác với hiền thi – người con cái và thời lai thời sang nhau nhưng không giống nhau –, và những rủi ro trong trung mực chư là do số cuội của một điều ngoạn dải sốp số a khép lỏi.

Hồi hy vọng nói ở Đức, mà Herder (triết gia Đức thời kỷ 18) xem là «cái nôi của nhân loại», một số cũ rích của ngày mai. Sơ khám phá Bà-la-môn giáo, qua các công trình độc đáo của chư Phùn, chung những đã kích thích óc tò mò mà còn gây nên số ngạc nhiên và những mài. Cái ở Đức vẫn mãi bịt đầu từ đó thì đế quốc Đức mài, đây suy tôn và thi vua hóa, nhau quê hương gốc của số toàn bộ, trật tự, vật chất trên mài thời rìa lõi sô, và tên tuổi nhau năng lõi duy nhất có thể làm sống lõi tinh thần, của Âu châu. Nhau, trong thời điểm ngày 18-12-1806, cho Windischmann, Schelling viết: «Tôi cho rằng việc khôi phục số họa nhân Đức-Tây là vẫn đùi lõi nhau cho giải đáp mà Tinh Thần thời giải đang tìm kiếm. Âu châu là gì, nếu không là thân cây khô héo từ thân, cỏy tết cỏ nai nhau tiệp ghép Đông phong và chư có thể đế quốc hoàn thiêun nhau nói các tiếp ghép này?». Tại Paris năm 1842,

Edgar Quinet, trong số những tác giả khác, cũng nêu lên cùng hy vọng: «Cùng lúc thâm nhập vào thi ca, vào chính trung tâm Tây phong, Á châu cũng len lỏi vào trong các chư thuyết; siêu thần hùng, đùi lõi nó, cõng số liên kết hai thời giải», trong sách Le Génie des religion.

Số liên kết này đùi sốc hy vọng, chư đùi, loan báo mài cuộc phong靡 hưng trên nền tảng Đông và Tây tìm gõp lõi. Nhưng, số phong靡 sinh chung nhau không diễn ra, mà tết cỏ mài kẽ vua sốp đùi. Không phai chư đùi giải vì đó là mài giải mài mà thêc tết mài thêng hòn nhiên phai khác. Mà vì, từ các năm 1820, khi nhau mài tết liều tết mác, đùi sốc thu vua tết Népal, Trung Quốc, Tích Lan, Tây Tạng, Thái Lan, Nhật Bản, v.v., bắt đùi đùi sốc kết tết, phân loài, so sánh; khi các nét chính của giáo thuyết nhà Phùt hiến rõ, thì sốc họa đùi sốc hòn hòn vua mài sốc sốc tinh nguyên bù lõi ngay sốc thành số khinh ghét đùi vua mài đùi ng thêng chư. Đó là Phùt vua đùi sốc phát hiến, liều

bị xem là một phật đản hay một khiêu khích nói i thân và bốn bộ trong lòng trung tọa xã hội và trung tọa tinh thần Bà-la-môn giáo, bị xem như một lời «nói lỏn lung lý» rốt đúc thù chung mồi dông thun khói và siêu thoát hồn, hay như một đòn án hỷ diệt mồi tò duy, một phiến lõn, tác nhân của thoái hóa, đồi i bùi.

Khi ấy, đeo Phật thỉnh đudden trình bày như một chỗ thuyết lõi đడi, không thõ linh hõi đudden, cõi võ một kiêu hõi n hõi u chõ nhõm đõn chõ «không-là-gì-cõ», vĩ mõc tiêu tõi hõi u chõ là và thuõn túy là hõi vô – vĩ i nhõu trãm triều con ngõõng vñng sõ tan biõn bõt phõn hõi cõa chính mình, dành trõn mõi nõ lõc thánh thiõn nhõt và bõn bõ nhõt cho sõ hõy diệt chính mình và xem đó là diêm phúc không thõ diõn tõ đudden. Làm sao, nhõ hõ nói, con ngõõi lõi có thõ mong cõu hõi vô?

III - CHIẾU HỒNG CỦA SỰ NGHĨ NHỒN

Thõt vñy, trên bình diõn chõ thuyết, đeo Phật rõt khác vĩ i Bà-la-môn giáo, nên cũng rõt mõi lõi đడi vĩ i các hõc thuyết chính cõa truyõn thõng Tây phưỻng. Khi đõn đõn khám phá giáo thuyết nhà Phật, Âu châu tõ hõi đây là một Thõn giáo hay là một triết hõi. Cùng vĩ i nhõng thõc mõc vĩ đõo Phật – nhõ là một Thõn giáo không có Thiên Chúa, mõt con đõõng cõu rõi không có sõ sõng vñnh cõu, hõnh phúc không có cõu liõu nõn tõng, luõt thiõn tách khõi mõi lõi lõ thõn linh, luân lý không bám vào siêu nghiõm ... -, óc tò mò cõa nhõng nhà tõ tõng Âu châu thõ kõ 19 còn bõ kích thích bõi mõt hõc thuyết tõ lâu không đõõc biõt đõn, chõ mõi đõõc khám phá vĩ i nhõng mõnh vñn đõõc kõt tõp mõt cách lõn xõn. Hõ nõm bõt đõo Phõt bõng thõ hiõu tõng tõng hõn là bõng tinh thõn khõo nghiõm khoa hõc. Võ, mõi bõõc cõa quá trình truy tìm nghiên cõu, nhõng phát hiõn mõi lõi dõn tõi nhõng thõc mõc mõi trên nhõng nghõch luõn vñ chõ đõo Phõt. Tõ nhõng tõng diõn theo thõ hiõu đó, các bõ mõt chính cõa chõ nghĩa hõi vô, cõa Âu châu thõ kõ 19, đõõc xác lõp và đõõc tõ đõim sõa sang tõng bõõc.

Mõt sõ lõn tõ tõng gia thõi đó tin rõng hõi đã thõy trong đõo Phõt mõt hiõm hõa không tên, và nhõ mõt cái gì không thõ có đõõc: tinh thõn con ngõõi không thõ thõc sõ muõn sõ đánh mõt chính mình. Thõ nhõng, giáo thuyết lõn và xõa này cõa cõ Á châu là mõt thõc tõi: tõng đõõng vĩ i niên hõn cõa văn minh Hy Lõp, vĩ i sõ tín đõ còn nhõu hõn tín đõ Ky-tô giáo. Nhõng hõi không thõ xõp đõo Phõt vào mõt loõi thõn hõc nào cõ; cho nên, càng lõi cuõn bao nhiêu, đõo Phõt càng làm ngõõi ta sõ bõy nhiêu. Võ tõt cõ đõu đᾶ, hoõc ít hoõc nhõu, đõng hóa Niõt-bàn vĩ i sõ triết tiêu tõt cõ, đã kõt liõn đõo Phõt vĩ i chõ nghĩa bi quan, khõ chõt và tiêu cõc; tõt cõ nhõng giõi cõa đõo Phõt đõu bõ xem là tôn giáo cõa hõi vô, nghõch thõng và ghê tõm, chõng lõi trõt tõ «bình thõng» cõa thõ giõi – thõ giõi Tây phưỻng, Ky-tô giáo, sõng đõng, xác đõnh... -. Sõ khiõp sõ đõi vĩ i đõo Phõt, nõi hõu hõt các triết gia Âu châu thõ kõ 19, tõa nhõ sõ khiõp sõ trõõc ma quái, mõt sõ hãi yêu ma, mõt khõng bõ quõ ám hiõn lõi đó đây, và có thõ hõy hoõi tõ

bên trong. Điều viết của sô khiếp sô còn đặc c ghi lõi rất nhiều trong những tác phẩm của các triết gia Đức – Hegel, Schopenhauer, Schelling, Nietzsche

... -, và nói các học giả Pháp – Cousin, Taine, Renan, Saint-Hilaire, Quinet, Comte..., nhất là Renouvier.

Đĩ nhiên, đó là ngay nhau. Và Roger-Pol Droit đã vạch rõ lý lõi của nó sai lầm đó, của nó tóm lại rằng đã ám ảnh Âu châu thế kỷ 19; cho thấy, bằng cách nào, tôi sao, bao giờ cảm dỗ nào mà, khi nói với khác, phật ngang xa, Á châu, Phật, người ta lõi khiếp sợ trống những gì số đón cho số sống; đồng thời cho thấy, làm thế nào mà, trong khi những nhà ngôn học và Đông phật ngang học thời đó có gặng xác định ý nghĩa của tông câu trong các bộ kinh, các tác phẩm thu thập được từ các cuộn du học viễn chinh và có đồng lòng lõi tông bộ kinh lõi ch số và những điều đính kèm của Phật, thì các triết gia lõi tuyền chén mứt số đỗ kiêm tõ thuyết nhà Phật do những nghiên cứu Đông phật ngang học cung cấp để diễn dịch Phật giáo thành mứt tôn giáo chung trống hổ vô của doanh diệt luân, điều mà chính Đức Phật vẫn phê bác mến mứ.

IV - Đôi điều về sự đón nhận lại

Xét cho cùng, khi truyền bá tõ tông của mình, Đức Phật đã phai sứ đồng ngôn tõ đỗ hiếu của thời đại đó. Có thể rằng những người đã nghe và đã ghi lõi những lõi Phật dạy là những người đã giác ngộ, những các kinh có nói. Điều này vẫn không thay đổi điều gì cả thời tõ là kiêm đồng tri thời và ngôn ngữ, điều đó sô đồng đỗ trao truyền những lõi dạy đó, đã bao điều kiêm hóa bao i thời đỗ i y, và cũng không thời tiên đoán điều gì những vẫn đỗ chia hiếu hõu. Ngay cả nõu có thời tiên đoán điều đó, thì ngôn tõ mà Đức Phật phai sứ đồng, đỗ điều đột nhõng vẫn đỗ và nhõng giải pháp, cũng chia điều tõ o ra; và nõu Đức Phật có sáng tõ o ra nhõng ngôn tõ mõi cõi thiết, thì cũng không thời đỗ điều hiếu mứt cách tròn vẫn.

Nõu Ngài sống vào thời đỗ i chúng ta hôm nay, đỗ u thời kẽ 21 thay vì thời kẽ thời 6 trống TL., chõc chén Đức Phật sô ban lõi dõ y cõi Ngài cách khác. Không phai vì chân lý và Phật pháp đã đỗ i khác, nhõng vì ngõi i nghe đã trõi qua gần 26 thời kẽ cõi kinh nghiêm lõi ch số. Kinh nghiêm thêm đó, không chõi trình đỗ khái niệm và khõi nõng nhõn đõ nh, mà còn i tâm tính và thái đỗ tinh thời luân luân bao điều kiêm hóa bao i hõi thời lý lõi cõi mõi nõn văn hóa, bao i kiêm tõ duy và khung tõ chõc xã hội cõi thõi kẽ văn minh, või nhõng viễn cõi nh và vẫn đỗ mõi, đòi hỏi nhõng giải đáp khác. Nói chung, đỗ o Phật đang đỗ điều hiếu hóa lõi mứt cách mõi mõi trung trong con ngõi i thời đỗ i.

Không phải là thành quả có đắc cát nhung thay đổi triết lý là quan trọng, nhung chính nhung pháp đã tông có hữu quả giúp gặt hái đắc cát nhung kết quả đó mui là điều cần phai gieo trồng và truyền đạt lối, bao gồm nhung cách nhìn đónh và trình bày mới. Làm sao lối nhung tiến bộ của ngài i xua, mới Phật trở thành gãch nói già quá khứ và hiện tại. Mọi người i tiếp thu quá khứ bao gồm thay đổi chung hiện tại và chuẩn bị holt giang cho tương lai. Chỗ bao gồm cách đó, quá khứ mãi mãi i nhau p vào kiến thức thay đổi và có ý nghĩa cho hiện tại. Khác đi, quá khứ chỗ là lối chia vì một hòn chốt liều thay đổi.

Ngày Tây phương đang dần vay dào Phật ngày càng nhiều. Nhưng trên bình diện luận lý, ngày i thay đổi, vay i cái nhìn nhau phân, kieu 'hàu Descartes', chia tách tông thành hai khu vực: thuần lý (rationnel) và phi lý (irrationnel), đai kháng và phản nhau nhau. Trong khi Phật giáo, có trình bày phân biệt phom vi 'lý' (rationnel) vay i phom vi

'quan hệ' (relationnel), nhung chúng không đai kháng loài trao nhau. Đó là hai một cõi mà i hiện tông, nhau t thiết phai đắc cát thay đổi holt trong cái nhìn toàn nguyên, giúp ném bắt thay đổi trên toàn thế cõi nó.

Đây là cái nhìn sâu vay cõi mà i holt phái Phật giáo, không bắt giang hòn trong trí thông minh, cũng không là phóng túng ngang tàng, khác hòn vay tách tông cõi ngay i thay đổi thay đổi đã một mui i niềm tin, cõi nay i chính mình và thay đổi. Vì thay, một Phật giáo cõi thay đổi, thay đổi nhau p vay i nhân sinh và một cõi cho một ngay i, phai đem dần cho con ngay i nhung 'niềm tin' mới, vay i nay i dung vay chay c: sõ xác quyết sâu xa cõi con ngay i vay chính mình và kiêm nghiêm đắc bùi con ngay i, khác vay i nhung đắc tin thay đổi khai; cùng lúc phai làm sao lối i một cách mới mà nhung thay đổi cát lối mà Phật đã gieo holt trong tâm tách cõi ngay i Phật tay. Nhưng holt giang này đã nay nay (một cách tùy duyên) trong nhau nay i văn hóa và văn minh rãt khác biệt, đã thích holt vay i tâm tách cõi nhau giang ngay i sao trong nhung điều kiêm rãt khác nhau, nhung không bao giờ đánh một nhung chốt liều nay i thay đổi, cũng nhung nhung ý holt giang đắc biết cõi chúng: sõ giang thoát, sõ giác ngay (tu giác), và 'tính tay nh thay đổi phai quát' (Phật tính). □

Theo Le Culte du Néant, Les philosophes et le Bouddha. Roger-Pol Droit. (Le Seuil, 1997) **Đ**
Thuần Khiêm

(Văn hóa Phật giáo)